|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS ......  **TỔ: ..........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8 - HOÁ HỌC**

**(*Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống*)**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

***Cả năm: 45 tiết/35 tuần***

***Học kỳ I : 01 tiết/ tuần x 18 tuần = 18 tiết;***

***Học kỳ II: Từ tuần 19 đến tuần 25 x 1 tiết/ tuần = 7 tiết***

***Từ tuần 26 đến tuần 35 x 2 tiết/ tuần = 20 tiết***

***Giới hạn các bài kiểm tra***

***+ Giữa HK 1: Hết bài 3 - Mol và tỉ khối của chất khí***

***+ Cuối HK 1: Hết bài 4 - Dung dịch và nồng độ dung dịch***

***+ Giữa HK 2: Hết bài 7 - Tốc độ phản ứng***

***+ Cuối HK 2: Hết bài 10 - Oxide***

1. **HỌC KỲ I**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG I - PHẢN ỨNG HOÁ HỌC** | | | | | |
| **1** | **1** | Bài 2. Phản ứng hoá học | **03**  **(1, 2, 3)** | - Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học.  - Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học.  - Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học.  - Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm.  - Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm  - Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra.  - Nêu được khái niệm và đưa ra được ví dụ minh hoạ về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt.  - Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu). |  |
| **2** | **2** |
| **3** | **3** |
| **4** | **4** | Bài 3. Mol và tỉ khối chất khí | **03**  **(4, 5, 6)** | - Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử).  - Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m)  - Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí.  - So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối.  - Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 0C.  – Sử dụng được công thức để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 0C. |  |
| **5** | **5** |
| **6** | **6** |
| **7** | **7** | Bài 4. Dung dịch và nồng độ dung dịch | **04**  **(7, 10, 11, 12)** | - Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.  - Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.  - Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.  - Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước. |  |
| **8** | **8** | Ôn tập giữa kì 1 | **01**  **(8)** | - Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT  2018 thực hiện từ tuần 1 đến hết tuần 7 |  |
| **9** | **9** | Kiểm tra giữa kì 1 | **01**  **(9)** | Đánh giá được phẩm chất, năng lực người học từ đó giáo viên có phương pháp dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh |  |
| **10** | **10** | Bài 4. Dung dịch và nồng độ dung dịch | **04**  **(7, 10, 11, 12)** | - Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.  - Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.  - Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.  - Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước. |  |
| **11** | **11** |
| **12** | **12** |
| **13** | **13** | Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học | **04**  **(13, 14, 17, 18)** | - Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn.  - Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.  - Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.  - Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học.  - Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. |  |
| **14** | **14** |
| **15** | **15** | Ôn tập kì 1 | **01**  **(15)** | - Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT 2018 thực hiện từ tuần 1 đến hết tuần 14 |  |
| **16** | **16** | Kiểm tra kì 1 | **01**  **(16)** | Đánh giá được phẩm chất, năng lực người học từ đó giáo viên có phương pháp dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh |  |
| **17** | **17** | Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học | **04**  **(13, 14, 17, 18)** | - Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn.  - Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.  - Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.  - Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học.  - Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. |  |
| **18** | **18** |  |

1. **HỌC KỲ II**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **19** | **19** | Bài 6. Tính theo phương trình hoá học | **04**  **(19, 20, 21, 22)** | - Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 0C.  - Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. |  |
| **20** | **20** |
| **21** | **21** |
| **22** | **22** |
| **23** | **23** | Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác | **02**  **(23, 24)** | - Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học).  - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế.  - Tiến hành được thí nghiệm và quan sát thực tiễn:  + So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học;  + Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng;  + Nêu được khái niệm về chất xúc tác. |  |
| **24** | **24** |
| **25** | **25** | Ôn tập giữa kì 2 | **01**  **(25)** | - Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT  2018 thực hiện từ tuần 19 đến hết tuần 24 |  |
| **26** | **26** | Kiểm tra giữa kì 2 | **01**  **(26)** | Đánh giá được phẩm chất, năng lực người học từ đó giáo viên có phương pháp dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh |  |
| **CHƯƠNG II - MỘT SỐ CHẤT THÔNG DỤNG** | | | | | |
| **26** | **27** | Bài 8. Acid | **03**  **(27, 28, 29)** | - Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H+).  - Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid.  -Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H2SO4, CH3COOH). |  |
| **27** | **28** |
| **27** | **29** |
| **28** | **30** | Bài 9. Base. Thang pH | **04**  **(30, 31, 32, 33)** | - Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH–).  - Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.  - Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.  - Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.  - Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.  - Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).  - Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất. |  |
| **28** | **31** |
| **29** | **32** |
| **29** | **33** |
| **30** | **34** | Bài 10. Oxide | **04**  **(34, 35, 36, 37)** | - Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.  - Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.  - Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). – Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide. |  |
| **30** | **35** |
| **31** | **36** |  |
| **31** | **37** |
| **32** | **38** | Bài 11. Muối | **04**  **(38, 39, 42, 43)** | - Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH+4).  - Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan.  - Trình bày được một số phương pháp điều chế muối.  - Đọc được tên một số loại muối thông dụng.  - Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối.  - Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide. |  |
| **32** | **39** |
| **33** | **40** | Ôn tập | **01**  **(40)** | - Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT 2018 thực hiện từ tuần 19 đến hết tuần 32 |
| **33** | **41** | **Kiểm tra học kì 2** | **01**  **(41)** | Đánh giá được phẩm chất, năng lực người học từ đó giáo viên có phương pháp dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh. |
| **34** | **42** | Bài 11. Muối | **04**  **(38, 39, 42, 43)** | - Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH+4).  - Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan.  - Trình bày được một số phương pháp điều chế muối.  - Đọc được tên một số loại muối thông dụng.  - Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối.  - Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide |
| **34** | **43** |  |
| **35** | **44** | Bài 12: phân bón hoá học | **02**  **(44, 45)** | - Trình bày được vai tr của phân bón (một trong những nguồn bổ sung một số nguyên tố: đa lượng, trung lượng, vi lượng dưới dạng vô cơ và hữu cơ) cho đất, cây trồng.  - Nêu được thành phần và tác dụng cơ bản của một số loại phân bón hoá học đối với cây trồng (phân đạm, phân lân, phân kali, phân N–P–K).  - Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường của đất, nước và sức khoẻ của con người.  - Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón. |
| **35** | **45** |